TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST
Ngày: 18/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tống Thị Kim Điền

Ông Nguyễn Hòa Bình

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Tấn Sang - Thư ký Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Như Ý- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/HSST-QĐ ngày 03/4/2019 đối với bị cáo:

L; sinh ngày 08/02/1976 tại Long An; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: đường Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Phạm Ngọc T, họ và tên mẹ: Phan Ngọc M (đã chết); tại phiên tòa bị cáo khai có vợ và có con sinh năm 2003 nhưng đã ly hôn năm 2015, con sống với mẹ; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 84/2013/HSST ngày 18/7/2013 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2015, chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và phạt sung công quỹ nhà nước 5.000.000 đồng; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2018, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965; trú tại: đường T, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Ấp Q, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: đường T, Phường B, Quận B,, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 20 phút ngày 28/10/2018, tại ngã ba đường S và đường B, phường K, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an Quận X phát hiện bắt quả tang L đang có hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thu giữ trên gác baga xe máy biển số 59C1–470.40 L đang điều khiển 01 bao thuốc lá, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu và trong túi quần phía trước bên phải L đang mặc 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, L khai nhận: 02 gói nylon, chứa tinh thể không màu công an thu giữ của L là do L mua của một người đàn ông tên Phi không rõ lai lịch lúc khoảng 23 giờ 00 ngày 27/10/2018 tại hẻm Chùa Lá, huyện Nhà Bè, với giá 1.000.000 đồng, mua được ma túy L điều khiển xe máy đi tìm khách khách sạn để sử dụng, thì bị bắt quả tang.

Theo Kết luận giám định số 1764/KLGĐ-H ngày 02/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên L và hình dấu Công an phường Tân Kiểng, Quận X cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 3,1919g (ba phẩy một chín một chín gam), loại Methamphetamine.

Tại Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSQ7 ngày 28/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận X đã truy tố bị cáo L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo L từ 02 năm đến 03 năm tù.

+ Xử lý vật chứng: Tiêu hủy 01 (một) gói ma túy niêm phong số vụ 1764/2018/Q7. Trả lại cho bị cáo điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, imei: không rõ. Xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 59C1–470.40, số khung: 212DY-282851, số máy: HC12E-5282985; qua xác minh xe do bà Nguyễn Thị H đứng tên chủ sở hữu; bà H giao xe cho chồng là ông Nguyễn Văn P sử dụng làm phương tiện đi lại; ông P cho người bạn tên D chưa rõ lai lịch mượn. Bị cáo L khai mượn xe của người bạn tên D làm phương tiện để đi,

việc bị cáo sử dụng xe đi mua ma túy D không biết, nên đề nghị trả xe lại cho bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy phù hợp với nội dung Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Quận X đã truy tố, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ Kết luận giám định số 1764/KLGĐ-H ngày 02/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, kết hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo L đã thực hiện hành vi đi mua rồi cất giữ hai gói ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 3,1919g, để sử dụng nên phạm vào tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận X truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần có mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Nhân thân: Quyết định số 90/QĐ-TA ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 18 tháng tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội Phú Đức, chấp hành xong ngày 17/9/2017.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại Bản án số 84/2013/HSST ngày 18/7/2013 của Tòa án nhân dân Quận 4, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là cố ý và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội tàng trữ nên miễn phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Đối với người đàn ông tên Phi bán ma túy cho bị cáo do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xử lý sau.

[5] Xử lý vật chứng vụ án:

+ 01 (một) gói ma túy niêm phong số vụ 1764/2018/Q7 là vật cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, imei: không rõ, là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

+ Xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 59C1–470.40, số khung: 212DY-282851, số máy: HC12E-5282985; qua xác minh xe do bà Nguyễn Thị H đứng tên chủ sở hữu; bà H giao xe cho chồng là ông Nguyễn Văn P sử dụng làm phương tiện đi lại; ông P cho người bạn tên D chưa rõ lai lịch mượn. Bị cáo L khai mượn xe của người bạn tên D làm phương tiện để đi, việc bị cáo sử dụng xe đi mua ma túy D không biết, bị cáo không rõ nhân thân lai lịch của D, nên trả xe lại cho bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2018.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy gói ma túy còn nguyên niêm phong số vụ 1764/2018/Q7.

Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, imei: không rõ, cho bị cáo L.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 59C1-470.40, số khung: 212DY-282851, số máy: HC12E-5282985

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 49 ngày 25/01/2019)

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Phơ